

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-PT

Ngày 27 tháng 02 năm 2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: 1. Ông Cao Việt Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Tính.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLPT- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 02/2023/HNGĐ- ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Phương D, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 6, dãy M, tập thể Công ty Thiết bị y tế, 138 GV, phường KM, quận BD, thành phố Hà Nội. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D: Luật sư Phạm Xuân T (xin vắng mặt) và luật sư Đào Thị N (có mặt), Công ty Luật TNHH Thiên Bảo và cộng sự, Đoàn luật sư T phố Hà Nội; địa chỉ: Số 11, ngõ 7, Á, Tổ dân phố 4, phường ML, quận HĐ, T phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1994; nơi thường trú: Số nhà 256 NGT, khu 1, phường TA, T phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở: số 07 đường BT, khu đô thị DD, phường SH, T phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Phương D.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội D như sau:

Nguyên đơn là chị Đỗ Phương D trình bày: Chị và anh Phạm Minh T kết hôn ngày 27/12/2018, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Mã, quận BĐ, T phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau Ny. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 01/2022 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến tháng 09/2022, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, hai bên đã tự nguyện ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh T.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia T, sinh ngày 04/3/2020. Hiện cháu T đang ở với anh T, cháu khỏe mạnh và đang học tập ổn định tại Trường Mầm non PA, địa chỉ: Số 09 LTT, phường SH, thành phố Bắc Ninh, cũng như cháu đang được đảm bảo các điều kiện về thể chất, tinh thần và học tập tốt nhất. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu T. Chị đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi con chung. Hiện chị đang làm việc tại Hội sở Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thu nhập 9.356.000 đồng/ tháng. Cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Phạm Minh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, hai bên đã tự nguyện ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị D.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia T, sinh ngày 04/3/2020. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu T. Vì cháu T hiện đang ở với anh, cháu khỏe mạnh và đang học tập ổn định tại trường tư thục Mầm non PA, địa chỉ: Số 09 LTT, phường SH, thành phố Bắc Ninh. Cháu T được đảm bảo các điều kiện về thể chất, tinh thần và học tập tốt nhất tại gia đình anh và ở trường. Hiện anh đang làm việc tại Đội Quản lý thị trường số 1 thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Ninh, lương cơ bản là 5.917.000 đồng/tháng chưa tính phụ cấp, tổng thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng. Cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Với nội D trên, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Phương D và anh Phạm Minh T.

2. Con chung: Giao con chung là cháu Phạm Gia T, sinh ngày 04/3/2020 cho anh Phạm Minh T nuôi dưỡng. Chị Đỗ Phương D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đề cập giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2023, chị Đỗ Phương D kháng cáo bản án về phần con chung, chị đề nghị được nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Phương D; xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí: Chị Đỗ Phương D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Đỗ Phương D được nộp trong hạn luật định, có nội D phù hợp và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội D:

Chị Đỗ Phương D và anh Phạm Minh T kết hôn ngày 27/12/2018, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Mã, quận Ba Đình, T phố Hà Nội như vậy hôn nhân của chị Đỗ Phương D và anh Phạm Minh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 09/2022, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ đó đến nay. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đã công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T là phù hợp.

[3]. Xét kháng cáo của chị Đỗ Phương D về con chung thì thấy:

Chị D và anh T đều có đủ các điều kiện về thu nhập cũng như tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc đối với con chung nên về điều kiện để nuôi dưỡng con chung của hai bên là như nhau.

Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì ngoài điều kiện về thu nhập còn phải xem xét đến điều kiện ăn ở, chăm sóc con chung mới đảm bảo mang lại cuộc sống tốt nhất cho trẻ sau khi vợ chồng ly hôn.

Tại phiên tòa chị D xác nhận từ tháng 9/2023 đến nay cháu T ở với anh T, cháu được chăm sóc đầy đủ, được đảm bảo các điều kiện về thể chất, tinh thần và học tập tốt nhất tại gia đình anh T. Hiện cháu T đang học tại trường tư thục Mần Non Phương Anh ở thành phố Bắc Ninh với học phí là 5.300.000đ/tháng.

Hơn nữa, anh T đang làm việc tại thành phố Bắc Ninh, anh T và cháu T ở cùng bố mẹ anh T, mẹ anh T đã nghỉ hưu nên có nhiều thời gian để hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc cháu T.

Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về tinh thần và học tập của cháu T, tránh những xáo trộn không cần thiết nên tiếp tục giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Chị Đỗ Phương D kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị D về con chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội D khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4]. Án phí: Chị Đỗ Phương D phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Phương D. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 02/2023/HNGĐ-ST ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân T. phố Bắc Ninh.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Phương D và anh Phạm Minh T.

- Con chung: Giao cháu Phạm Gia T, sinh ngày 04/3/2020 cho anh Phạm Minh T nuôi dưỡng kể từ tháng 3/2024 cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về việc nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Chị Đỗ Phương D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Tài sản chung: Không giải quyết.

2. Án phí: Chị Đỗ Phương D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ 600.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2022/0000342 ngày 11/10/2023 và biên lai số BLTU/23/0000546 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tp Bắc Ninh;
- Chi cục THADS tp Bắc Ninh;
- Các đương sự

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai